

## TÙNG VÂN NGUYỄN ĐÔN PHỤC (1878 – 1954) – NGƯỜI LƯU GIỮ QUỐC HỒN, QUỐC TÚY TRONG DU KÍ QUỐC NGŨ\*

TRẦN THỊ TÚ NHI\*

### TÓM TẮT

*Du kí quốc ngữ cuối thế kỉ XIX-đầu thế kỉ XX ghi nhận sự đóng góp của nhiều tác giả có tên tuổi trong đó có Tùng Vân Nguyễn Đôn Phục với 8 tác phẩm đặc sắc trên Nam Phong tạp chí. Du kí của Tùng Vân Nguyễn Đôn Phục phác họa nhiều phương diện của đời sống như thiên nhiên, danh thắng, lịch sử, con người... Trong rất nhiều tác giả viết du kí, ông đã mạnh dạn chọn lối đi riêng: trở về với cội nguồn lịch sử dân tộc và trung thành với lối hành văn cổ điển.*

**Từ khóa:** du kí, Tùng Vân Nguyễn Đôn Phục, Nam Phong tạp chí.

### ABSTRACT

***Tung Van Nguyen Don Phuc (1878 – 1954), the keeper of national spirit  
in Quoc Ngu travel writings***

*Travel writings in Quoc Ngu from the late nineteenth century to the early twentieth century acknowledge the contribution of many well-known authors, including Tung Van Nguyen Don Phuc – the author of eight noticeable works in Nam Phong Periodical. Travel writings by Tung Van Nguyen Don Phuc describe many aspects of life such as nature, landscapes, history, people, etc. Among many travel writers, he bravely chose his own way, which was to trace back to the historical root of the nation and be faithful to classic writing style.*

**Keywords:** travel writing, Tung Van Nguyen Don Phuc, Nam Phong periodical.

### 1. Nguyễn Đôn Phục - Con người và trước tác

**1.1.** Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, ở miền Bắc, trong danh sách các nhà văn tiên phong, bên cạnh những cái tên chói lọi: Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Tân Đà, Hoàng Tích Chu... không thể không kể đến một số nhà văn, nhà báo có tài như Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến, Lãng Nhân Phùng Tất Đắc, Nguyễn Tiến Lãng, Tùng Vân Nguyễn Đôn Phục... Những cái tên ấy đã làm sôi động văn đàn, báo chí nước nhà ở buổi đầu của nền quốc văn. Đặc biệt, trên *Nam Phong tạp chí*, ở

mảng du kí, xếp sau Phạm Quỳnh về sức viết là Tùng Vân Nguyễn Đôn Phục. Ông đã đóng góp cho du kí quốc ngữ trên Nam Phong đến 8 tác phẩm có giá trị về nhiều mặt: trước tiên là giá trị văn chương sau đến chiều sâu văn hóa. Đặc biệt, trong những du kí Tùng Vân chấp bút, ông luôn có ý thức gìn giữ giá trị tinh túy của lịch sử nước nhà nhằm lưu truyền cho hậu thế.

**1.2.** Nhà văn Nguyễn Đôn Phục 阮惇復 tự là Hi Cán 希幹, hiệu là Tùng Vân 從雲, nguyên quán tỉnh Thanh Hóa, định cư ở làng La Nội, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà

\* ThS, Trường Đại học Quy Nhơn; Email: tunhi81@gmail.com

Đông sau đổi tên là huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây (nay là huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội), không rõ năm sinh. Ông mất năm Giáp Ngọ (1954). Theo học giả Nguyễn Quảng Tuân trong *Từ điển Văn học* (bộ mới), Tùng Vân sinh năm 1878, mất năm 1954, nguyên quán ở Thanh Hóa, sau dời ra làng Uy Nỗ Thượng thuộc phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh [5, tr.1134].

Thuở nhỏ, vì bố làm tri phủ ở miền Trung, ông ở nhà với mẹ, được học chữ quốc ngữ. Sau vụ chính biến giết hại vua Hiệp Hòa (1883), cha ông đã treo án tử quan trở về làng mở trường dạy chữ Hán, ông mới bắt đầu theo Hán học. Năm 1900, Nguyễn Đôn Phục tham dự kì thi Hương ở Nam Định, ông chỉ làm bài thi thứ nhất rồi bỏ ngang. Sau đó, ông được cha gửi ra La Đình thuộc phủ Hà Đông để theo học tiếp. Năm 1906, ông lại đi thi, đỗ Tú tài rồi không thi cử gì nữa. Ông cộng tác và trở thành một cây bút đặc lực cho *Nam Phong tạp chí* 南風雜誌 của Phạm Quỳnh, rồi *Tri Tân tạp chí* 知新雜誌 của Nguyễn Tường Phượng trong nhiều năm. Có lẽ vì thế mà sau này phần lớn tác phẩm của ông đều được đăng tải trên 2 tạp chí trên.

**1.3.** Tùng Vân Nguyễn Đôn Phục xuất thân từ Nho học, là cộng tác viên đầu tiên và liên tục nhiều năm của tạp chí *Nam phong*. Ông đã cống hiến cho các độc giả ở tờ *Nam Phong* hàng loạt bài giá trị về học thuyết của Khổng Mạnh, triết lí văn hóa Trung Hoa đồng thời giới thiệu lịch sử, địa lí, văn học nước ta trong những tác phẩm biên khảo. Phần lớn công trình nghiên cứu của ông đều công bố trên tạp

chí này và sau đó được in thành sách. Các công trình của ông là những chuyên luận về phong tục, luân lí, tôn giáo và văn chương Trung Quốc. Ông có công rất lớn và sớm nhất trong việc giúp người Việt Nam am hiểu các học thuyết, văn chương, triết lí, Trung Quốc học qua các bài biên khảo và dịch thuật có giá trị, rất công phu. Những bài biên khảo, tác phẩm do ông góp nhặt là bộ sách giáo khoa hiếm có về nền văn minh, văn hóa, học thuật cổ học Đông phương.

Trong suốt 15 năm làm báo, Nguyễn Đôn Phục đã viết được khá nhiều tiểu luận theo nhiều chủ đề, đề tài khác nhau. Những đóng góp của ông về lĩnh vực này đã được các nhà nghiên cứu như: Phạm Quỳnh (1937), Nguyễn Hữu Tiến (1937), Thanh Lãng (1967), Phạm Thế Ngũ (1967), Lê Văn Siêu (1969), Phạm Văn Diêu và Doãn Quốc Sĩ (1970), Bùi Đức Tịnh (1999)... khẳng định một cách khá chính xác qua các công trình nghiên cứu, biên khảo về văn học sử của họ. Theo chúng tôi, để có được một cái nhìn trọn vẹn về Nguyễn Đôn Phục, có thể phân chia hệ thống trước tác của ông thành các mảng như sau:

**(i) Về khảo cứu văn học và lịch sử**

Ông biên soạn những công trình tiêu biểu như: *Khảo về cách hài văn* (1922), *Bàn về lịch sử nước Tàu* (1924), *Danh nho nước Tàu* (1929 - 1930), *Vấn đề quốc văn*, *Nam Phong*, số 126 (1928), *Đăng vương các tự diễn nôm* 滕王閣序演喃, *Nam Phong* (1933) và nhiều bài khác đăng trong tạp chí *Nam Phong* vào những năm 1924 - 1935.

**(ii) Về mảng dịch thuật**

Ông có một số truyện tiêu biểu như: *Tây Thi diễm sử* 西施艷史 (1927), *Nhất nộ vị hồng nhan* 一怒為紅顏 (Một cơn giận vì khách hồng nhan) (1929 - 1930), *Quý Phi diễm sử* 貴妃艷史 (1930), *Truyện ông đồ Ba Vây* đăng trên *Nam Phong*, có bản chữ Nôm phụ đính kèm theo.

**(iii) Về thể loại văn học trào phúng**

Nguyễn Đôn Phục cũng có một số tiểu phẩm như: *Chừa nói chữ Nho* (1921), *Bức thư thần quốc ngữ kẻo nài thần chữ Nho* (1934), *Sự lạ, kể chuyện một ông quan từ chối không nhận đồ lễ* (1922).

Đặc biệt là ở thể loại du kí được viết bằng chữ quốc ngữ, ông đã có 08 tác phẩm rất hấp dẫn, thú vị, như: *Du Tử Trầm kí* (1922), *Cuộc đi chơi Sài Gòn* (1925), *Cuộc xem cổ tích miền Đông Bắc tỉnh Hải Dương* (1925).

Nguyễn Đôn Phục là người sống cùng thời và là bạn thân của Đông Châu 東周 Nguyễn Hữu Tiến 阮有進, một nhà dịch thuật Hán văn tiêu biểu của Việt Nam trong mấy thập niên đầu thế kỉ XX. Tùng Vân và Đông Châu tiên sinh đã phân công biên dịch bộ *Mạnh Tử quốc văn giải thích* 孟子國文解釋 và cho đăng tải trên các số báo của *Nam Phong* từ 1924 đến 1931, sau đó được nhà xuất bản Trung Bắc Tân Văn in thành sách (1932). Năm 1935, hai ông tiếp tục trình làng công trình biên dịch công phu ***Luận ngữ quốc văn giải thích*** 論語國文解釋, bộ sách được in bởi Imprimerie Tonkinoise ở Hà Nội.

Bên cạnh những sáng tác đã đề cập trên, Nguyễn Đôn Phục có đặt thêm thể

thơ Nam đàn bát châu, chia thành 02 phần, phần sơ thảo và tục thảo. Phần sơ thảo đăng ở báo *Đông Pháp* 東法 (từ số 5107, ngày 21 tháng 04 năm 1942), sau đó tiếp tục đăng ở báo *Tri Tân* 知新 từ số 58, tháng 8 năm 1942. Thể thơ này gồm có 08 câu, trong đó hai câu thứ nhất, thứ nhì viết theo thể hát nói, hai câu thứ ba, thứ tư viết theo thể lục bát, hai câu thứ năm thứ sáu viết theo thể Đường thi, hai câu cuối bài viết theo cách điệu của lối phong dao của văn học bình dân Việt Nam.

Tâm nguyện một đời của Tùng Vân là phục hưng quốc âm, chấn hưng âm điệu dân tộc. Tuy nhiên, công việc này không đạt hiệu quả như ước nguyện, bởi lẽ không hợp thời thế nên không ai nghe theo lời cổ xúy của ông. Nhưng nhìn chung, xem xét một cách khái quát diễn trình phát triển của văn học sử hiện đại Việt Nam, những đóng góp của Nguyễn Đôn Phục lại là những dấu mốc cơ bản cho quá trình hiện đại hóa về thể tài, cảm hứng, chủ đề và đề tài văn học. Vì thế, ông đã xác định được cho mình một vị thế không thể thay đổi trong văn học Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX.

**2. Tùng Vân Nguyễn Đôn Phục, người lưu giữ quốc hồn, quốc túy trong du kí quốc ngữ**

**2.1.** Trên *Nam Phong tạp chí*, bên cạnh ngòi bút tinh tường, uyên bác của Phạm Quỳnh là tấm lòng luôn hướng về cội nguồn lịch sử, ca ngợi cảnh đẹp non sông của Tùng Vân. Thể tài du kí giúp ông rất nhiều trong việc thực hiện tâm nguyện đó. Ông say mê cùng cái đẹp của thiên nhiên, đắm mình cùng lịch sử vẻ vang

của dân tộc và để lại cho hậu thế nhiều du kí thể hiện trải nghiệm cá nhân về cảnh quan nước nhà. Trong 08 du kí của ông được đăng trên Nam Phong từ năm 1922 đến năm 1941, những giá trị tinh túy của đất nước như thiên nhiên, thắng tích, các chi tiết quý giá về sử học... đã được khắc họa và lưu giữ đầy nghệ thuật.

• **Thiên nhiên**

Đặng cao, vọng viễn là đề tài không thể thiếu trong văn chương của nhà Nho. Với cốt cách đậm chất nho gia, Tùng Vân cũng khao khát hòa nhập tận cùng với đất trời trên đỉnh cao muôn trượng. Đó là mục tiêu hướng tới của những cuộc tráng du mà nhà văn đã trải qua. Trong du kí của Tùng Vân có đến 4 tác phẩm đề cập về đẹp của núi: *Cuộc đi chơi năm tầng núi, Du Tử Trâm sơn kí, Cuộc xem cổ tích miền Đông Bắc tỉnh Hải Dương, Cuộc đi chơi Sài Sơn*. Cái đẹp của núi non gắn liền với chí khí, cảm khái, khát vọng hòa nhập với vô cùng vũ trụ của con người nho gia Tùng Vân. Mỗi cảnh núi Tùng Vân cảm nhận bằng một vẻ khác nhau. Núi năm tầng ở huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh được nhìn nhận một cách hình tượng: “...những hòn đá thiên nhiên bày ra la liệt ở xung quanh sườn núi, sắc đá hơi đen đen, lại thỉnh thoảng điểm có chỗ trắng; đi ở dưới đường mà trông lên, tựa như hình đàn trâu đàn dê, con thì nằm, con thì ăn, con thì lên núi, con thì xuống núi”. Núi Tử Trâm, một địa danh không hề xa lạ bởi đó là nơi tác giả sinh trưởng và dành nhiều tình cảm: “Vừa mới trong mấy giây phút đồng hồ, đã trông thấy đọt cỏ xanh xanh, làn dâu biêng biếc, đầu non nhấp nhô, sườn núi

*quanh co, chớ cần ở trong mây; gà kêu ở bên đồng, cái quan ngay ra cái khí sắc thái cổ; mà cái tung tích hồng trần, nghe ra hình như đã ly cách xa xa”. Với núi Sài Sơn, Tùng Vân hóa thân vào cảnh vật để nói lên tình cảm thiết tha, quyến luyến, xem núi như người thân của mình: “Núi Sài kia với anh em ta, tựa như một kẻ hữu tình, khi ấy rập rờn sẵn đón, trong mấy chuyển đồng hồ, làm ra đủ bộ tống nghênh, để mua lấy cái ái tình của nhau đó. Cho mới hay người mà đắm đắm với núi, thì núi cũng hình như không nhạt nhẽo với người”. Mỗi cảnh núi non được nhà văn cảm nhận với góc độ, tâm thế khác nhau. Đó là tấm tình mà nhà văn đã trân trọng đặt vào ngòi bút. Vì vậy, phong cảnh núi non trong du kí quốc ngữ của Tùng Vân không chỉ là hình ảnh khách quan mà con hàm chứa tình cảm và sự quan sát tinh tường, đầy chất nghệ sĩ.*

Gắn liền với núi non là cảnh hang động. Tùng Vân như một ẩn sĩ đắm chìm trong vẻ đẹp huyền bí, thâm u của khung cảnh in đậm dấu tích cổ nhân. Khi miêu tả cái hang của núi Linh Sơn (hang Tử Trâm), ông quan sát cận kề từng góc ngách, đo đạc, ước lượng như người làm công tác thực địa: “... hang rộng ước vừa bốn năm người đi, cao khỏi đầu người, trong hang ngoài cửa thẳng bằng vừa làn người đi; mới vào còn thâm thấp hèm hẹp, đi độ mười bước, thì thấy cao rộng lạ lùng, nghiêm nhiên là một tòa nhà đá của trời vậy”. Sự tinh xảo của thiên nhiên ban tặng cho hang Tử Trâm được bày ra trước mắt người đọc trong sự liên tưởng kì thú của Tùng Vân. Hang được ví

như một tòa nhà đá của trời; những hòn đá thì được ví như con quy con tượng, giữa hang lại có một cái cửa sổ hình tròn như miệng cái giếng thơi. Sau khi quan sát cảnh vật, tác giả lại tự kết luận thay cho người đọc về vẻ đẹp hiếm thấy của thợ trời: “Chao ôi! Kì đâu kì bằng đây, xảo đâu xảo bằng đây”.

Thiên nhiên trong du kí của Tùng Vân là mảng màu không thể thiếu để hoàn chỉnh bức tranh cảnh đẹp bằng ngôn từ. Hòa cùng với cái đẹp của thiên nhiên là sự cảm hoài của người viết trước sự đổi thay của thế cuộc. Trải bao biến thiên của lịch sử, những địa danh được nhắc đến trong du kí của các tác giả trong buổi đầu của chữ quốc ngữ đã không còn giữ được. Du kí là chứng tích ghi nhận sự hiện diện của cảnh và người cho đến muôn đời sau.

- **Danh thắng**

Có hai loại thắng tích được Tùng Vân đề tâm tìm hiểu trong du kí của mình đó là những thắng tích chứa đựng *quốc hồn*: đình chùa, miếu vũ và thắng tích liên quan đến lịch sử. Đình chùa, miếu mạo là nơi ẩn chứa *quốc hồn* của dân tộc Việt: “Phàm muốn biết cái nghị lực của tiên dân ta ngày xưa trờ trong sử sách ra không kể, còn thời những nơi đình chùa miếu vũ ở các làng, cũng có lắm nơi coi ra đã có cái khí tượng vĩ đại, cái lực lượng văn minh, đủ khiến cho người ta trong khi quan niệm mà phảng phất có *quốc hồn*”. Đi đến nơi nào ông cũng đề tâm tìm hiểu những ngôi chùa: “... duy đạo nhân bình sinh là kẻ đa bệnh, thường phân vân về hai chữ nhân quả ở trong lòng, nhờ có triết lí ông Phật mới giải

quyết được xong; vậy bình sinh không yêu ai bằng yêu ông Phật; cho nên trong khi du lãm, ngoạn cảnh danh lam, cái thú vị có phần đậm hơn người khác”. Chỉ một du kí *Cuộc xem cổ tích miền Đông Bắc tỉnh Hải Dương* mà Tùng Vân miêu tả đến 4 ngôi chùa. Cảnh chùa chiền hiện lên với nhiều hình thái khác nhau. Tuy nhiên, đặc điểm chung của những ngôi chùa đó là sự uy nghiêm, cổ kính và tâm thế sùng kính hết mực của người thường ngoạn.

Những địa điểm gắn liền các nhân vật lịch sử dân tộc xuất hiện trong du kí của Tùng Vân khá nhiều. Trong *Du Tử Trâm sơn kí* có di tích ông Trịnh chúa, di tích ông Châu Tiên. Đặc biệt, ông có hẳn một du kí tìm hiểu về Cổ Loa: *Bài kí chơi Cổ Loa*. Trong du kí của Tùng Vân, người đọc cảm nhận được sự cổ kính, uy nghi của một thắng tích mà giá trị văn hóa không thể phai mờ theo thời gian. Ông có cái nhìn sâu sắc về quần thể Loa Thành trên nhiều phương diện: chính trị, xã hội, văn hóa, giáo dục, dân số, kinh tế... Ông bàn luận xác đáng về các nhân vật lịch sử, cảm nhận tinh tế về cảnh sắc thiên nhiên, miêu tả tài tình về các địa điểm nơi đây. Như vậy mới thấy Tùng Vân là một người ngắm cảnh rất có “tâm”, cái “tâm” của một người am hiểu lịch sử nước nhà, tinh tường, nhiều kiến thức trong cuộc sống.

- **Khảo cứu lịch sử**

Xuất phát từ quan niệm phải bảo tồn và lưu giữ cho muôn đời sau những giá trị lịch sử lớn lao mà cha ông dày công vun đắp, Tùng Vân như người luyện ngọc, tỉ mẩn chất lọc từng chi tiết lịch sử

ẩn chìm trong thắng tích của nước non. Trong mỗi du kí, ông đều nhấn nhủ với người đời phải luôn gắn việc ngoạn cảnh với việc tìm hiểu ý nghĩa lịch sử: “*Phàm đã gọi là con người du tử, cốt nhất là nên có tư tưởng, nên có lịch sử, nên có bút pháp có văn tâm...*”. Quan niệm đó đã đưa Tùng Vân đến hành động cụ thể: tra cứu lịch sử của từng địa danh một cách cặn kẽ. Đến núi Tử Trầm, ông truy tận ngọn nguồn lịch sử của nơi này: “*Núi Tử Trầm trước kia thuộc phủ Quốc Uy, chẳng qua là nơi sơn cùng thủy tận của tỉnh Sơn Tây. Năm Duy Tân thứ bảy, quan Hà Đông tổng đốc Hoàng đại nhân mới đưa núi Tử Trầm cùng một số xã ở Quốc Uy xuống đặt thành tổng Tiên Lữ*”. Ông nêu chính xác lịch sử hình thành và đổi thay của địa danh, một mặt nhằm truyền bá tri thức cho người đọc, mặt khác, giá trị của địa danh cũng được nhân lên nhiều lần.

Tùng Vân quan niệm: Sở dĩ địa danh trở nên lưu truyền muôn thuở là bởi gắn liền với lịch sử của một nhân vật nào đó: “*Gãm trong thế giới xưa nay, phàm núi nào mà đã gọi là cái núi có trứ danh ở vũ trụ, không phải là vì núi ấy cao, núi ấy lạ, núi ấy lắm đá lắm cây lắm chùa lắm tháp, núi ấy lắm áo quần xe ngựa, lắm sĩ nữ du quan mà trứ danh đâu, chắc là vì kinh qua có một hồi danh nhân du thường mà trứ danh vậy*”. Nhân vật lịch sử làm nên giá trị của địa danh. Những điều họ làm cho nước nhà khiến cho hậu thế không bao giờ quên và nơi họ từng đặt chân qua cũng lưu danh muôn thuở. Núi Tử Trầm tự hào vì có di tích của Trịnh chúa và di tích ông Châu Tiên. (Di

tích của Trịnh chúa còn lại ở núi Tử Trầm là “*cái thổ đài chôn von ở đỉnh núi*”. Khi xưa Trịnh chúa có kiến lập hành cung ở đây nên dân nơi đó gọi là núi Cung. Lãng ông Châu Tiên ở phía nam núi Tử Trầm. Đó là cái thổ sơn thâm thấp, dân ở đó gọi là núi Châu Canh). Người ta yêu mến Côn Sơn một phần là vì cảnh đẹp nhưng phần lớn là vì nơi đây là nơi ẩn tích của các bậc tiền nhân: “*cụ nguyên lão hồi Trần mặt Băng Hồ tướng công Trần Nguyên Đán, cụ khai quốc nguyên huân hồi Lê sơ quân sư Nguyễn Trãi, người kì nữ tử Lê nghi học sĩ Nguyễn Thị Lộ...*”.

Lịch sử không ở đâu xa xôi, không phải ở đền cao, miếu đẹp mà ẩn chứa ở những nơi tưởng như tầm thường, bỏ đi: “*Chẳng qua cái đồng dờng đã lấp, cái bia chữ đã mòn, cái chùa bọt đã dột, cái tháp đá đã mọc, cái cây gốc đã lũa, cái đài, cái ao cỏ đã rườm*”. Người du lãm phải là người ôm ấp khát vọng khám phá lịch sử nước nhà mới thấy hết giá trị của nó, giá trị một thời mà người xưa vun đắp và muốn lưu truyền cho hậu thế. Tùng Vân là một kẻ sĩ dày công đọc sách thánh hiền nên hiểu rất rõ giá trị của lịch sử đối với việc gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc. Lịch sử của tiền nhân cũng như *cái gốc, cái rễ* bám chặt nơi lòng đất để cho hậu thế là *cái hoa, cái lá, cái cành* phát triển bền vững về sau: “*Phàm nước, nước nào đã có lịch sử thì dấu vết của tiền nhân để lại tức là cổ tích, cổ tích tức là quốc hồn. Vì quốc dân ví như cái hoa, cái lá, cái cành, tổ tiên ví như cái gốc cái rễ*”. Vì vậy, đi đến đâu Tùng Vân cũng một lòng tâm niệm, tưởng nhớ đến lịch sử của tiền

nhân. Đó là nỗi lòng khắc khoải của ông mỗi khi bước chân du lãm. Mỗi cảnh vật đều ẩn dấu bên trong thần thái, tâm linh của các vị tiền nhân mà người ngoạn cảnh không được phép lãng quên. Vì tấm lòng luôn hoài tưởng đến cổ nhân nên tác phẩm du kí nào của Tùng Vân cũng đều có hình ảnh của các nhân vật lịch sử. Do đó, ta có thể thấy bên cạnh một Tùng Vân nhà văn với văn bút tài tình còn có một Tùng Vân nhà sử học với những tư liệu lịch sử rất đáng tin cậy.

**2.2.** Du kí của Tùng Vân tích hợp nhiều phương diện văn hóa khác nhau. Nổi bật nhất là phương diện **văn học và sử học**. Trong quá trình miêu tả, Tùng Vân đã **hòa quyện linh hoạt giữa hai phương diện** này để tạo nên nét đặc sắc không thể lẫn với những tác giả viết du kí giai đoạn đầu thế kỉ XX. Đề cảnh vật để đi vào lòng người đọc, bên cạnh miêu tả, Tùng Vân kết hợp cung cấp nhiều kiến thức về sử học. Sự kết hợp này rất hiệu quả khi Tùng Vân miêu tả những địa danh *vừa cổ tích vừa thắng cảnh* như vùng Đông Bắc tỉnh Hải Dương. Nơi đây gắn liền với lịch sử của nhiều nhân vật lưu truyền sử xanh như: núi Kính Chủ gắn liền với lịch sử của cụ Phạm Sư Mạnh, núi Côn Sơn thì gắn liền với lịch sử *cụ nguyên lão hồi Trần mặt Bàng Hồ tướng công Trần Nguyên Đán, cụ khai quốc nguyên huân hồi Lê sơ quân sư Nguyễn Trãi, người kì nữ tử Lễ nghi học sĩ Nguyễn Thị Lộ, núi Phụng Hoàng gắn bó với tên tuổi của cụ Chu An...* Tùng Vân rất tinh tế khi lựa chọn cảnh vật để miêu tả trong những chuyến hành trình của mình. Cảnh vật ấy một mặt mang tính thẩm mỹ, tức là những

nơi danh thắng *có chiều u nhã, có tứ thanh cao*, mặt khác lại chứa đựng nhiều giá trị lịch sử. Vì thế, theo cách nói của tác giả, những chuyến đi của ông tuy chưa phải là những cuộc *tráng du* nhưng không bao giờ đơn giản là những cuộc *phiếm du*.

Trong 08 du kí của Nguyễn Đôn Phục, cách thức **miêu tả cảnh vật khoa học**, từ xa đến gần, từ khái quát đến cụ thể, được vận dụng phổ biến. Ông thường nêu ấn tượng chung về cảnh sau đó mới miêu tả cận kề về cảnh. Tả cảnh núi Từ Trầm từ xa: *“...vừa mới trong mấy giây phút đồng hồ, đã trông thấy đợt cỏ xanh xanh, làn dâu biêng biếc, dâu non nhấp nhô, sườn núi quanh co, chớ cần ở trong mây; gà kêu ở bên đồng, cái quan ra ngay cái khí sắc thái cổ; mà cái tung tích hồng trần, nghe ra hình như đã li cách xa xa”*. Sau đó là những dòng thực địa kĩ càng về cảnh vật: nào là trái núi Linh Sơn, hang Từ Trầm, ngôi chùa nằm ở phía Tây núi Từ Trầm, núi Cung nằm chéch cửa hang Từ Trầm độ năm sáu mươi bước...

Hay miêu tả núi Côn Sơn ở vùng Đông Bắc tỉnh Hải Dương, Tùng Vân nêu ấn tượng chung khi quan sát cảnh vật: *Núi cũng không lấy gì làm cao lớn đặc biệt, chẳng qua thanh tú, xinh xắn, nhàn nhã thâm u những vẻ mà thôi. Ở mé chân núi thấy có một vài cái nóc ngói ở trong vùng cỏ nhô lên một ít, còn thì khuất cả, sẽ biết cỏ ở đấy cũng khá rậm tốt. Bảo nhau rằng ấy cảnh Côn Sơn đấy”*. Sau đó, ông miêu tả chi tiết từng cảnh vật trên núi Côn Sơn như: chùa Tư Phúc, thôn Trúc Cương...

Cách thức miêu tả cảnh vật theo trình tự khoa học đã làm từng cảnh hiện ra một cách tuần tự, giúp cho người đọc dễ hình dung. Ông đặt người đọc vào vị trí đồng hành và đồng cảm nhận về cảnh, về người. Điều này thể hiện tư duy logic của Tùng Vân trong việc truyền đạt lại ý tưởng của mình với độc giả.

Điểm đặc biệt trong phương thức tự sự của Tùng Vân đó là ông luôn **hòa nhập vào cảnh vật để thể hiện những trải nghiệm của bản thân**. Từ việc quan sát cảnh vật, Tùng Vân nêu lên những suy ngẫm của mình về thế sự, về lẽ sống nhân sinh, hoặc nêu lên nhận định riêng về cảnh vật, về các nhân vật lịch sử có liên quan. Nhìn thấy cây thông trên núi Bát Vạn, ông nhớ đến câu: “*Kiếp sau xin chó làm người, Làm cây thông đứng giữa trời mà reo*”. Ông nhắn nhủ với bản thân và hậu thế: “*tu lấy phẩm cách cho cao siêu, tu lấy tâm thuật cho chính đại, tu lấy vận sự cho tiêu sái phong lưu, chẳng tu thời chẳng như tu khác gì; cây thông là thầy mình đó, cây thông là bạn mình đó*”. Hay xem miêu nàng My Châu, nhìn thấy hòn đá được thờ bên trong ngôi miếu, Tùng Vân thể hiện niềm cảm thông vô hạn đối với người con gái thác oan: “*Thương ôi! Oan tình chưa tỏ cho ai, khối oan mang xuống dạ đài chưa tan! Ai trông thấy hòn đá này mà chẳng ngậm ngùi, ai trông thấy hòn đá này mà chẳng thương tâm!*”. Tùng Vân luôn trải lòng mình cùng với cảnh vật để thấu hiểu và

bộc lộ cảm xúc cá nhân. Cách miêu tả đó làm cho nhiều đoạn văn của ông không khô khan, cứng nhắc mà giàu sức biểu cảm.

Một trong những yếu tố quan trọng để làm nên sự cuốn hút của tác phẩm du kí là nghệ thuật miêu tả cảnh vật. Bởi trong một tác phẩm du kí, cảnh vật chiếm một thành phần không nhỏ. Là một nhà văn chuyên viết du kí, Nguyễn Đôn Phục ý thức rõ điều này và khá dụng công khi đưa từng cảnh vật vào trong tác phẩm. Sự kết hợp nhuần nhuyễn của nhiều phương thức miêu tả đã làm nên thành công của ông trong nghệ thuật viết du kí.

3. Tùng Vân Nguyễn Đôn Phục đã đặt dấu ấn của mình trong lịch sử văn học bằng lối viết du kí rất riêng. Du kí quốc ngữ của ông độc đáo trong việc lựa chọn nội dung, sáng tạo trong vận dụng nghệ thuật. Trên *Nam Phong tạp chí*, bên cạnh một Phạm Quỳnh sắc sảo, tinh tường, có phần hiện đại trong những du kí dài hơi thì Tùng Vân lại hoài cổ trong những du kí tìm về với cội nguồn lịch sử. Ông mang tất cả những tinh túy của cổ nhân để đưa vào tác phẩm nhằm bảo tồn và lưu truyền cho muôn đời sau. Đọc hết những du kí của ông thì không khỏi bồi hồi, lưu luyến với cảnh cũ, người xưa và thán phục cái “văn tâm” của một người cầm bút. Với Nguyễn Đôn Phục, văn chương nghệ thuật không thể đơn thuần là con chữ mà là những con chữ có thần, có hồn của dân tộc.

(Xem tiếp trang 32)



**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Phạm Văn Diêu (1950), *Văn học Việt Nam*, Nxb Tân Việt, Sài Gòn.
2. Lê Bá Hán (chủ biên), Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (1999), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Lưu Khôn (1970), *Đại cương phê bình văn học*, Tủ sách Văn học, Viện Đại học Sài Gòn, Sài Gòn.
4. Nhiều tác giả (2006), *Từ điển văn học (Bộ mới)*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
5. Nguyễn Hữu Sơn (sưu tầm) (2007), *Du kí Việt Nam, Tạp chí Nam Phong 1917-1934*, Tập 1, Nxb Trẻ.
6. Nguyễn Hữu Sơn (sưu tầm) (2007), *Du kí Việt Nam, Tạp chí Nam Phong 1917-1934*, Tập 2, Nxb Trẻ.
7. Nguyễn Hữu Sơn (sưu tầm) (2007), *Du kí Việt Nam, Tạp chí Nam Phong 1917-1934*, Tập 3, Nxb Trẻ.